#### BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:396/TB-HV

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2020

# THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2020

Căn cứ Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 7 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông thông báo tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2020 như sau:

#### A. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH:

Tổng chỉ tiêu dự kiến là 3.080. Cụ thể:

## 1. CO SỞ ĐÀO TẠO PHÍA BẮC (Mã trường: BVH)

Địa chỉ: Km10 Đường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Hà Nội

				Chỉ tiêu (		
TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành đào tạo	Theo kết quả thi THPT	Theo phương thức kết hợp	Tổ hợp bài thi/môn thi xét tuyển
1	Đại học	7520207	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	360	40	
2	Đại học	7510301	Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử	190	20	Toán, Lý, Hóa (mã A00);
3	Đại học	7480201	Công nghệ thông tin	630	70	Toán, Lý, Anh (mã A01).
4	Đại học	7480202	An toàn thông tin	180	20	(
5	Đại học	7329001	Công nghệ đa phương tiện	190	20	
6	Đại học	7320104	Truyền thông đa phương tiện	90	10	Toán, Lý, Hóa
7	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	145	15	(mã A00); Toán, Lý, Anh
8	Đại học	7340115	Marketing	180	20	(mã A01);
9	Đại học	7340301	Kế toán	180	20	Toán, Văn, Anh (mã D01).
10	Đại học	7340122	Thương mại điện tử	90	10	( 201).
			Tổng cộng:	2.235	245	

# 2. CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA NAM (Mã trường: BVS)

Địa chỉ: Số 11 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

TT				Chỉ tiêu (		
	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành đào tạo	Theo kết quả thi THPT	Theo phương thức kết hợp	Tổ hợp xét tuyển
1	Đại học	7520207	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	80	10	Toán, Lý, Hóa

			1.4.4.7	Chỉ tiêu (	dự kiến)	
TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành đào tạo	Theo kết	Theo phương thức kết hợp	Tổ hợp xét tuyển
2	Đại học	7510301	Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử	70	10	(mã A00); Toán, Lý, Anh
3	Đại học	7480201	Công nghệ thông tin	120	20	(mã A01).
4	Đại học	7480202	An toàn thông tin	45	5	
5	Đại học	7329001	Công nghệ đa phương tiện	70	10	Toán, Lý, Hóa
6	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	35	5	(mã A00); Toán, Lý, Anh
7	Đại học	7340115	Marketing	60	5	(mã A01);
8	Đại học	7340301	Kế toán	50	5	Toán, Văn, Anh (mã D01).
			Tổng cộng:	530	70	

#### B. THÔNG TIN TUYỂN SINH:

## 1. Phương thức tuyển sinh:

Năm 2020, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông sử dụng **03 phương thức tuyển** sinh như sau:

- a) Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển: Học viện xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (có thông báo chi tiết riêng);
  - b) Xét tuyển dựa vào kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2020;
- c) Xét tuyển kết hợp giữa kết quả học tập ở bậc THPT với một trong các loại Chứng chỉ quốc tế hoặc Thành tích cá nhân trong các kỳ thi tuyển chọn học sinh giỏi như đã nêu tại điểm c) mục 2 về Đối tượng tuyển sinh dưới đây.

# 2. Đối tượng tuyển sinh:

# a) Quy định chung:

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT);
  - Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Không bị vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

# b) Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT năm 2020:

Ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục a) thì thí sinh phải tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 với các bài thi/môn thi theo tổ hợp bài thi/môn thi tương ứng các ngành của Học viện.

- c) Đối với phương thức xét tuyển kết hợp thì ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục a) thì thí sinh cần có thêm một trong các điều kiện sau đây:
- Thí sinh có Chứng chỉ quốc tế SAT từ 1130/1600 trở lên hoặc ACT từ 25/36 trở lên và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11 và học kỳ I lớp 12 đạt từ 8,0 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;
- Thí sinh có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày xét tuyển) đạt IELTS 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT 65 trở lên hoặc TOEFL ITP 513 trở lên và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11 và học kỳ I lớp 12 đạt từ 8,0 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;
- Thí sinh đạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc đã tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương (TW) các môn Toán, Lý, Hóa, Tin học, Tiếng Anh trong thời gian từ năm 2018 đến nay và có kết quả điểm chung bình chung học tập lớp 10, 11 và học kỳ I lớp 12 đạt từ 8,0 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.

Ghi chú: Đối với các thí sinh đã tốt nghiệp THPT trước năm 2020 thì kết quả điểm trung bình chung học tập học kỳ I lớp 12 có thể thay thế bằng điểm trung bình chung học tập lớp 12.

**3. Phạm vi tuyển sinh:** Học viện tuyển sinh trên phạm vi cả nước; thí sinh đăng ký xét tuyển vào Cơ sở đào tạo nào (BVH hoặc BVS) thì sẽ học tập tại Cơ sở đó (nếu trúng tuyển).

## 4. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT:

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT: Học viện sẽ thông báo cụ thể sau khi có kết quả thi THPT năm 2020;
- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với Phương thức xét tuyển kết hợp: thí sinh có kết quả điểm trung bình chung học tập các năm học lớp 10, lớp 11 và học kỳ I lớp 12 đạt từ 8,0 trở lên và có hạnh kiểm từ Khá trở lên;
  - Các điều kiện xét tuyển: theo quy định và lịch trình chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

# 5. Chính sách học bổng:

Năm 2020, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông tiếp tục duy trì và áp dụng chính sách học **miễn, giảm từ 50% đến 100% học phí** cho các thí sinh có kết quả thi THPT quốc gia cao. Cụ thể:

- Học bống toàn phần (Miễn 100% học phí trong năm học thứ nhất) cho các đối tượng: Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự cuộc thi khoa học, kĩ thuật quốc tế; thí sinh đạt giải Nhất trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia (các môn Toán, Lý, Hóa, Tin học) hoặc cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia và cuộc thi tay nghề khu vực ASEAN, thi tay nghề quốc tế; thí sinh đạt kết quả thi từ 27,0 điểm trở lên (điểm theo 3 môn thi xét tuyển) trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020.

- Học bổng bán phần (Miễn 50% học phí trong năm học thứ nhất) cho thí sinh đạt giải Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia (các môn Toán, Lý, Hóa, Tin học) hoặc cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia và cuộc thi tay nghề khu vực ASEAN, thi tay nghề quốc tế; 300 thí sinh đạt kết quả thi cao nhất từ trên xuống trong số thí sinh có kết quả thi từ 26,0 điểm đến 26,99 điểm (điểm bài thi 3 môn xét tuyển và điểm ưu tiên) trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020.
- Ngoài ra, sinh viên còn có nhiều cơ hội để được nhận các xuất học bổng của các doanh nghiệp hàng đầu như VNPT, Mobifone, Viettel, Samsung, FPT, AGR, ...

# C. THÔNG TIN CHI TIẾT CÁC PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH NĂM 2020 I. XÉT TUYỂN DỰA VÀO KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP THPT MĂM 2020

## 1. Mức điểm nhận hồ sơ ĐKXT:

Học viện sẽ thông báo mức điểm nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố kết quả thi THPT năm 2020.

- **2. Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT**: Theo quy định, hướng dẫn và kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành
- 3. Thời gian xét tuyển: Theo lịch xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo

## 4. Nguyên tắc xét tuyển:

- Xét tuyển theo ngành và theo tổ hợp bài thi/môn thi xét tuyển;
- Điểm trúng tuyển của các tổ hợp bài thi/môn thi trong cùng một ngành là bằng nhau;
- Xét trúng tuyển từ thí sinh có kết quả cao xuống và đảm bảo chất lượng tuyển sinh;
- Xét tuyển các nguyện vọng bình đẳng (điểm trúng tuyển giữa các nguyện vọng là bằng nhau), nếu thí sinh không trúng tuyển nguyện vọng ở thứ tự ưu tiên thứ nhất (nguyện vọng 1) thì sẽ được tự động xét tuyển ở nguyện vọng ưu tiên thứ hai (nguyện vọng 2) và kế tiếp;
- Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 1 nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký, khi đã trúng tuyển ở nguyện vọng nào thì không được xét tuyển tiếp ở nguyện vọng sau;
- Điểm trúng tuyển được tính theo thang điểm 10 trên tổng điểm tối đa của 3 môn thi trong tổ hợp xét tuyển là 30 điểm;
- Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách, nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục & Đào tạo, Học viện không sử dụng tiêu chí phụ riêng để xét tuyển;
- Các điều kiện khác thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Học viện không sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn ngoại ngữ, điểm thi được bảo lưu để xét tuyển

#### 5. Xác nhận nhập học

- Công bố kết quả xét tuyển: Theo lịch xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Nộp Giấy chứng nhận kết quả thi (xác nhận nhập học): Các thí sinh đạt điểm trúng tuyển mà Học viện đã công bố phải nộp Giấy chứng nhận kết quả thi (bản gốc có đóng dấu đỏ) về Học viện từ thời điểm công bố điểm trúng tuyển đến 17h00 ngày 03/10/2020 (tính theo dấu bưu điện) để xác nhận việc nhập học của mình.
- Chỉ có các thí sinh trúng tuyển và đã nộp Giấy chứng nhận kết quả thi mới được Học viện gửi Giấy báo nhập học.
- Các thí sinh không nộp Giấy chứng nhận kết quả thi, coi như không có nguyện vọng học tại Học viện và sẽ không được gọi nhập học.
- Hình thức nộp Giấy chứng nhận kết quả thi: thí sinh có thể nộp trực tiếp tại các Cơ sở đào tạo của Học viện hoặc nộp qua đường Bưu điện (chuyển phát nhanh EMS) theo các địa chỉ cơ sở đào tạo của Học viện.

# II. XÉT TUYỂN KẾT HỢP GIỮA KẾT QUẢ HỌC TẬP Ở BẬC THPT VỚI MỘT TRONG CÁC LOẠI CHỨNG CHỈ QUỐC TẾ HOẶC THÀNH TÍCH CÁ NHÂN TRONG CÁC KỲ THI TUYỂN CHỌN HỌC SINH GIỎI

## 1. Hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT)

- Phiếu đăng ký xét tuyển kết hợp (Mẫu phiếu kèm theo);
- Bản sao hợp pháp một trong các giấy tờ sau:
  - +) Chứng chỉ quốc tế SAT hoặc ACT;
  - +) Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế còn trong thời hạn (tính đến ngày xét tuyển);
  - +) Giấy chứng nhận đạt giải Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc Giấy xác nhận đã tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc Giấy chứng nhận đạt giải Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương.
- Bản sao hợp pháp: Học bạ THPT, Hộ khẩu thường trú, Giấy khai sinh; trong trường hợp thí sinh chưa xin được học bạ THPT thì có thể thay thế bằng bản xác nhận kết quả học tập các môn học năm lớp 10, 11 và học kỳ I lớp 12 có ký và đóng dấu của trường THPT;
- Bản sao các giấy tờ ưu tiên khác (nếu có);
- Hai phong bì đã dán tem và ghi rõ họ và tên, địa chỉ, số điện thoại của thí sinh hoặc phụ huynh để Học viện thông báo kết quả.

**Lưu ý:** Hồ sơ thí sinh nộp theo diện **xét tuyển kết hợp** là riêng, độc lập với hồ sơ đăng ký xét tuyển theo kết quả thi Trung học phổ thông.

# 2. Thời gian và hình thức nộp hồ sơ ĐKXT:

a) Thời gian nộp hồ sơ ĐKXT: Từ 01/07/2020 đến 05/08/2020.

- b) Hình thức nộp hồ sơ ĐKXT: Thí sinh khai hồ sơ ĐKXT trực tuyến và nộp hồ sơ ĐKXT trực tiếp tại các Cơ sở đào tạo của Học viện.
  - c) Các bước thực hiện nộp hồ sơ ĐKXT:
- **Bước 1:** Thí sinh khai hồ sơ ĐKXT trực tuyến tại địa chi website: <a href="https://xettuyen.ptit.edu.vn">https://xettuyen.ptit.edu.vn</a>;
  - Bước 2: In 02 Phiếu ĐKXT theo phương thức kết hợp;
  - Bước 3: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ ĐKXT theo yêu cầu như mục 1 nêu trên;
  - Bước 4: Nộp hồ sơ ĐKXT bằng một trong hai phương thức sau
  - Nộp trực tiếp tại các Cơ sở đào tạo của Học viện (Buổi sáng từ 8h00 11h00; Buổi chiều từ 14h00 17h00 các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6);
  - Gửi hồ sơ bằng đường bưu điện chuyển phát nhanh hoặc chuyển phát đảm bảo đến các địa chỉ cơ sở đào tạo của Học viện (Thời gian nộp hồ sơ được tính theo dấu bưu điện).

## 3. Lệ phí: 30.000 đ/hồ sơ

# 4. Nguyên tắc xét tuyển

- Xét tuyển theo ngành và theo kết quả học tập của năm học lớp 10, lớp 11 và học
   kỳ 1 năm lớp 12 của các môn học tương ứng với tổ hợp bài thi/môn thi của ngành
   đăng ký xét tuyển;
- Điểm trúng tuyển của các tổ hợp trong cùng một ngành là bằng nhau;
- Xét trúng tuyển từ thí sinh có kết quả cao xuống cho đến hết chỉ tiêu;
- Thí sinh được đăng ký xét tuyển tối đa 02 nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Thí sinh chỉ trúng tuyển vào một nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký;
- Điểm trúng tuyển được tính bằng tổng của ba (03) điểm bình quân kết quả học tập ở năm học lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của ba (03) môn học tương ứng với tổ hợp bài thi/môn thi đã đăng ký xét tuyển cộng với điểm ưu tiên theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có);
- Nếu có các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì Học viện sẽ sử dụng tiêu chí phụ là Điểm bình quân kết quả học tập ở năm học lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của môn Toán để xét tuyển.

Ghi chú: Đối với các thí sinh đã tốt nghiệp THPT trước năm 2020 thì kết quả điểm trung bình chung học tập học kỳ I lớp 12 có thể thay thế bằng điểm trung bình chung học tập lớp 12

## 5. Xác nhận nhập học

- a) Công bố kết quả xét tuyển: Trước ngày 20/08/2020.
- b) Xác nhận nhập học

- Các thí sinh có tên trong danh sách trúng tuyển mà Học viện đã công bố phải nộp **Giấy chứng nhận kết quả thi** (bản gốc có đóng dấu đỏ) về Học viện;
- Thời gian xác nhận nhập học: từ thời điểm công bố danh sách trúng tuyển đến trước 17h00 ngày 05/09/2020 (tính theo dấu bưu điện);
- Chỉ có các thí sinh trúng tuyển và đã nộp Giấy chứng nhận kết quả thi mới được Học viện gửi Giấy báo nhập học.
- Các thí sinh không nộp Giấy chứng nhận kết quả thi, coi như không có nguyện vọng học tại Học viện và sẽ không được gọi nhập học.
- c) Hình thức nộp Giấy chứng nhận kết quả thi: thí sinh có thể nộp trực tiếp tại các Cơ sở đào tạo của Học viện hoặc nộp qua đường Bưu điện (chuyển phát nhanh EMS) theo các địa chỉ cơ sở đào tạo của Học viện.

Thông tin chi tiết về tuyển sinh và các chương trình đào tạo thí sinh có thể xem tại Cổng thông tin điện tử, Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông tại địa chỉ: <a href="https://facebook.com/ptittuyensinh">https://facebook.com/ptittuyensinh</a>.

## ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ:

## Cơ sở đào tạo Phía Bắc (mã trường BVH):

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông Km10, đường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Hà Nội. Điện thoại: 024.33528122, 024.33512252

## Cơ sở đào tạo Phía Nam (mã trường BVS):

Học viện Công nghệ BCVT - Cơ sở Tp. Hồ Chí Minh. Số 11 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Điện thoại: 028.38297220

#### Nơi nhân:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);

- Bộ Thông tin và Truyền thông (để b/c);

- Ban Giám đốc (để b/c);

 Các đơn vị trực thuộc, các Phòng chức năng, các Trung tâm;

- Cơ sở Học viện tại Tp. HCM;

- Cổng thông tin điện tử, cổng thông tin tuyển sinh;
- Các cơ quan Báo chí;
- Luu VT, ĐT(6).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Học viện
Công nghệ
BƯU CHÍNH
VIỆN THÔNG
TS. Vũ Tuấn Lâm

#### BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

#### CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

8. Địa chỉ liên hệ:  9. Số điện thoại: Email:  10. Hạnh kiểm: Lớp 10 Lớp 11 Lớp 12 (Học kỳ 1)  11. Kết quả điểm TBC học tập: Lớp 10 Lớp 11 Lớp 12 (Học kỳ 1)  B. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN (Chỉ đăng ký tối đa 02 nguyện vọng)  1. Có chứng chỉ IELTS TOEFL SAT ACT  Điểm thi Ngày cấp chứng chỉ Đơn vị cấp chứng chỉ  2. Có giải cấp Tỉnh hoặc TP trực thuộc TW Môn đoạt giải  Loại giải Năm đoạt giải Noi cấp  3. Đăng ký xét tuyển:  TTNV Mã ngành Tên ngành Mã tổ hợp Tên môn và điểm trung bình các môn theo tổ họg tiến theo tổ họg tiến theo tổ họg tiến theo tổ họg tiến trung bình các môn theo tổ họg tiến trung bình các môn theo tổ họg theo tổ họg tiến theo tổ họg tiến theo tổ họg tiến trung bình các môn theo tổ họg tiến theo tổ họg tiến trung bình các môn theo tổ họg tiến theo tổ họg theo tổ họg tiến theo tổ họg	11111	CU ĐĂNG KÝ X (Die	KÉT TUYÎ ện xét tuyển	EN ĐẠI H theo phươi	OC HI	È CH kết hợ	ÍNH Q' [p) <sub>Thí sinh l</sub>	UY N không ghi n	ĂM nục này
1. Họ và tên của thí sinh (Viết dùng như trong giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)  Giới (Nữ ghi 1, Nam ghi 0)  2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh (Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)  3. Nơi sinh (tinh hoặc thành phố)  4. Giấy CMND/cần cước CD (Ghi như hổ sơ đẳng ký dự thì)  5. Nơi học THPT (ghi tên trưởng và nơi trưởng đóng: huyện (quán), tinh (thành phố) và ghi mã tinh, mã trưởng):  Năm lớp 10  Năm lớp 11  Năm lớp 12  Thí sinh tốt nghiệp (Đánh dấu X): Trước năm 2020  Tốt nghiệp năm 2020  6. Đối tượng ưu tiên tuyển sinh (nếu có):. 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07  7. Khu vực ưu tiên: KV1, KV2-NT, KV2, KV3  (Thi sinh khoanh trởn vào khu vực và đối tượng mình được ưu tiên, nếu không thuộc đối tượng ưu tiên nào thì để trở  8. Địa chỉ liên hệ:  9. Số điện thoại:  Email:  10. Hạnh kiểm: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (Học kỳ 1)  11. Kết quả điểm TBC học tập: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (Học kỳ 1)  11. Kết quả điểm TBC học tập: Lớp 10  Năm doạt giải  Năm doạt giải  Năm doạt giải  Năm doạt giải  Noi cấp  3. Đăng ký xét tuyển:  Tên môn Lớp 10 Lớp 11 Lớp 12 (Học là học thoà thọc tố học tầp ký tết tuyển:  Tên môn Lớp 10 Lớp 11 Lớp 12 (Học là học thọc thoà thọc tố học tầp trược thuộc TW  Tên môn Lớp 10 Lớp 11 Lớp 12 (Học là học thọc thọc thọc trừ thoà thọc thoà thọc tố học thọc trừ thì ngành  Tên môn Lớp 10 Lớp 11 Lớp 12 (Học là là trừng bình các môn theo tố học trình học thọc thọc thọc thọc thọc thọc theo tốt học thọc thọc thọc thọc thọc thọc thọc	A. THĈ	NG TIN THÍ SIN	Н			Số hỏ	so: BVF	I/BVS	
Giới (Nữ ghi I. Nam ghi 0)  2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh (Nếu ngày và tháng sinh nhó hơn 10 thì ghi số 0 ở ở đầu)  3. Nơi sinh (tinh hoặc thành phố)  4. Giấy CMND/căn cước CD (Ghi nhu hổ sơ đăng ký dư thì)  5. Nơi học THPT (ghi tênt rướng và nơi trưởng đồng: huyện (quán), tinh (thành phố) và ghi mã tinh. mã trưởng):  Năm lớp 10  Năm lớp 12  Thí sinh tốt nghiệp (Đánh dấu X): Trước năm 2020  Tốt nghiệp năm 2020  6. Đối tượng ưu tiên tuyển sinh (nếu có):. 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07  7. Khu vực ưu tiên: KV1, KV2-NT, KV2, KV3 (Thi sinh khoanh trởn vào khu vực và đối tượng mình được ưu tiên, nếu không thuộc đối tượng ưu tiên nào thì để trố  8. Địa chỉ liên hệ:  9. Số điện thoại:  Email:  10. Hạnh kiểm: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (Học kỳ 1)  B. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XẾT TUYỀN (Chi đăng ký tối đa 02 nguyện vọng)  1. Có chứng chỉ IELTS  TOEFL  SAT  ACT  Điểm thi  Ngày cấp chứng chỉ  Đơn vị cấp chứng chỉ  Loại giải  Năm đoạt giải  Noi cấp  3. Đăng ký xết tuyển:  Tên môn  Lớp 10 Lớp 11 Lớp 12 (Họt lợc lợc)  Tên môn và điểm trung bình các môn theo tổ hợ				trong giấy kha	i sinh bằn	g chữ ir	n hoa có dá	ίu)	
2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh (Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ở đầu)  3. Nơi sinh (tinh hoặc thành phố)  4. Giấy CMND/căn cước CD (Ghi như hồ sơ đăng ký dự thi)  5. Nơi học THPT (ghi tên trưởng và nơi trưởng đóng: huyện (quận), tinh (thành phố) và ghi mã tinh, mã trưởng):  Năm lớp 10  Năm lớp 11  Năm lớp 12  Thí sinh tốt nghiệp (Đánh dấu X): Trước năm 2020  Tốt nghiệp năm 2020  6. Đối tượng ưu tiên tuyển sinh (nếu có): 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07  7. Khu vực ưu tiên: KV1, KV2-NT, KV2, KV3  (Thi sinh khoanh trởn vào khu vực và đối tượng mình được ưu tiên, nếu không thuộc đổi tượng ưu tiên nào thì để trố  8. Địa chỉ liên hệ:  9. Số điện thoại:  Email:  10. Hạnh kiểm: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (Học kỳ 1)  B. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XẾT TUYẾN (Chỉ đăng ký tối đa 02 nguyện vọng)  1. Có chứng chỉ IELTS  TOEFL  SAT  ACT  Điểm thi  Ngày cấp chứng chỉ  Dơn vị cấp chứng chỉ  2. Có giải cấp Tĩnh hoặc TP trực thuộc TW  Môn đoạt giải  Năm đoạt giải  Năm đoạt giải  Noi cấp  3. Đăng ký xết tuyển:  Tên môn  Lớp 10 Lớp 11 Lớp 12 (Học lờ) Lớp 11 Lớp 12 (Học lờ)  Tên môn  Lóp 10 Lớp 11 Lớp 12 (Hợc lờ)  Tên môn  Lóp 10 Lớp 11 Lớp 12 (Hợc lờ)  Tên môn  Lóp 10 Lớp 11 Lớp 12 (Hợc lờ)  Tên môn Và điểm trung bình các môn theo tổ hợ  Tên môn  Lóp 10 Lớp 11 Lớp 12 (Hợc lờ)	<u>.</u>								)
3. Nơi sinh (tính hoặc thành phố) 4. Giấy CMND/căn cước CD (Ghi như hổ sơ dàng ký dự thị) 5. Nơi học THPT (ghi tên trưởng và nơi trưởng đóng: huyện (quán), tính (thành phố) và ghi mã tinh, mã trưởng:  Năm lớp 10  Năm lớp 12  Thí sinh tốt nghiệp (Đánh dấu X): Trước năm 2020  Tốt nghiệp năm 2020  6. Đối tượng ưu tiên tuyển sinh (nếu có): 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07  7. Khu vực ưu tiên: KV1, KV2-NT, KV2, KV3  (Thí sinh khoanh trởn vào khu vực và đối tượng mình được ưu tiên, nếu không thuộc đối tượng ưu tiên nào thì để trố  8. Địa chỉ liên hệ:  9. Số diện thoại:  Email:  10. Hạnh kiểm: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (Học kỳ 1)  11. Kết quả điểm TBC học tập: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (Học kỳ 1)  11. Có chứng chỉ IELTS  TOEFL  SAT  ACT  Điềm thi  Ngày cấp chứng chỉ  Đơn vị cấp chứng chỉ  2. Có giải cấp Tĩnh hoặc TP trực thuộc TW  Môn đoạt giải  Năm đoạt giải  Năm đoạt giải  Niện nộn  Tên môn Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (Học li) Lớp 11  Năm đoạt giải  Năm đoạt giải  Năm đoạt giải  Trên môn  Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (Học li) Lớp 11  Năm đoạt giải	háng và 2 s					,		Γ	
4. Giấy CMND/căn cước CD (Ghi như hồ sơ đăng ký dự thị)  5. Nơi học THPT (ghi tên trưởng và nơi trưởng đóng: huyện (quán), tinh (thành phố) và ghi mã tinh, mã trưởng:  Năm lớp 10  Năm lớp 11  Năm lớp 12  Thí sinh tốt nghiệp (Đánh dấu X): Trước năm 2020  Tốt nghiệp năm 2020  6. Đối tượng ưu tiên tuyển sinh (nếu có): 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07  7. Khu vực ưu tiên: KV1, KV2-NT, KV2, KV3  (Thi sinh khoanh tròn vào khu vực và đối tượng mình được ưu tiên, nếu không thuộc đối tượng ưu tiên nào thì để trố  8. Địa chỉ liên hệ:  9. Số điện thoại:  Email:  10. Hạnh kiểm: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (Học kỳ 1)  11. Kết quả điểm TBC học tập: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (Học kỳ 1)  B. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỀN (Chi đăng ký tối đa 02 nguyện vọng)  1. Có chứng chỉ IELTS  TOEFL  SAT  ACT  Điểm thi  Ngày cấp chứng chỉ  Dơn vị cấp chứng chỉ  2. Có giải cấp Tình hoặc TP trực thuộc TW  Môn đoạt giải  Noi cấp  3. Đăng ký xét tuyển:  Tên môn  Lớp 10  Lớp 11  Tên môn  Lớp 10  Lớp 11  Tên môn  Lóp 10  Lóp 11  Lóp 12 (HK)	y và tháng sir	nh nhỏ hơn 10 thì ghi s	ố 0 ở ô đầu)		Ngày	l	Tháng	L	Năm
5. Nơi học THPT (ghi tên trường và nơi trường đóng: huyện (quận), tinh (thành phố) và ghi mã tinh, mã trường:  Năm lớp 10  Năm lớp 11  Năm lớp 12  Thí sinh tốt nghiệp (Đánh dấu X): Trước năm 2020  Tốt nghiệp năm 2020  6. Đối tượng ưu tiên tuyển sinh (nếu có): 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07  7. Khu vực ưu tiên: KV1, KV2-NT, KV2, KV3  (Thí sinh khoanh tròn vào khu vực và đối tượng mình được ưu tiên, nếu không thuộc đối tượng ưu tiên nào thì để trố  8. Địa chỉ liên hệ:  9. Số điện thoại:  Email:  10. Hạnh kiểm: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (Học kỳ 1)  11. Kết quả điểm TBC học tập: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (Học kỳ 1)  B. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỀN (Chi đăng ký tối đa 02 nguyện vọng)  1. Có chứng chỉ IELTS  TOEFL  SAT  ACT  Điềm thi  Ngày cấp chứng chỉ  2. Có giải cấp Tĩnh hoặc TP trực thuộc TW  Môn đoạt giải  Nơi cấp  3. Đăng ký xét tuyển:  TTNV Mã ngành  Tên ngành  Mã tổ hợp  Tên môn và điểm trung bình các môn theo tổ hợ	h (tinh hoặc i	thành phố)							
Năm lớp 10 Năm lớp 11 Năm lớp 12  Thí sinh tốt nghiệp (Đánh dấu X): Trước năm 2020  Tốt nghiệp năm 2020  O  6. Đối tượng ưu tiên tuyển sinh (nếu có): 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07  7. Khu vực ưu tiên: KV1, KV2-NT, KV2, KV3  (Thí sinh khoanh tròn vào khu vực và đối tượng mình được ưu tiên, nếu không thuộc đối tượng ưu tiên nào thì để trố  8. Địa chỉ liên hệ:  9. Số điện thoại:  Email:  10. Hạnh kiểm: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (Học kỳ 1)  11. Kết quả điểm TBC học tập: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (Học kỳ 1)  B. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XẾT TUYỀN (Chi đăng ký tối đa 02 nguyện vọng)  1. Có chứng chỉ IELTS  TOEFL  SAT  ACT  Diềm thi Ngày cấp chứng chỉ Dơn vị cấp chứng chỉ  2. Có giải cấp Tĩnh hoặc TP trực thuộc TW  Môn đoạt giải Nơi cấp  3. Đăng ký xét tuyển:  TTNV Mã ngành Tên ngành Mã tổ hợp Tên môn và điểm trung bình các môn theo tổ hợ	MND/căn	cước CD (Ghi như h	ồ sơ đăng ký dị	e thi)					
Năm lớp 11  Năm lớp 12  Thí sinh tốt nghiệp (Đánh dấu X): Trước năm 2020  Tốt nghiệp năm 2020  6. Đối tượng ưu tiên tuyển sinh (nếu có): 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07  7. Khu vực ưu tiên: KV1, KV2-NT, KV2, KV3  (Thí sinh khoanh tròn vào khu vực và đối tượng mình được ưu tiên, nếu không thuộc đối tượng ưu tiên nào thì để trố  8. Địa chỉ liên hệ:  9. Số điện thoại:  Email:  10. Hạnh kiểm: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (Học kỳ 1)  11. Kết quả điểm TBC học tập: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (Học kỳ 1)  B. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỀN (Chi đăng ký tối đa 02 nguyện vọng)  1. Có chứng chỉ IELTS  TOEFL  SAT  ACT  Diềm thi Ngày cấp chứng chỉ Dơn vị cấp chứng chỉ  2. Có giải cấp Tĩnh hoặc TP trực thuộc TW  Môn đoạt giải  Nơi cấp  3. Đăng ký xét tuyển:  TTNV Mã ngành Tên ngành Mã tổ hợp Tên môn và điểm trung bình các môn theo tổ hợ	T <b>HPT</b> (ghi tên	trường và nơi trường đóng	g: huyện (quận), ti	inh (thành phố) vo	à ghi mã tinh	, mã trươ	ing):		
Năm lớp 12  Thí sinh tốt nghiệp (Đánh dấu X): Trước năm 2020  Tốt nghiệp năm 2020    6. Đối tượng ưu tiên tuyển sinh (nếu có): 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07  7. Khu vực ưu tiên: KV1, KV2-NT, KV2, KV3  (Thí sinh khoanh tròn vào khu vực và đối tượng mình được ưu tiên, nếu không thuộc đối tượng ưu tiên nào thì để trố  8. Địa chỉ liên hệ:  9. Số điện thoại:	lớp 10							П	
Thí sinh tốt nghiệp (Đánh dấu X): Trước năm 2020  Tốt nghiệp năm 2020  6. Đối tượng ưu tiên tuyển sinh (nếu có): 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07  7. Khu vực ưu tiên: KV1, KV2-NT, KV2, KV3  (Thí sinh khoanh tròn vào khu vực và đối tượng mình được ưu tiên, nếu không thuộc đối tượng ưu tiên nào thì để trố  8. Địa chỉ liên hệ:  9. Số điện thoại:  Email:  10. Hạnh kiểm: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (Học kỳ 1)  11. Kết quả điểm TBC học tập: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (Học kỳ 1)  8. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỀN (Chỉ đăng ký tối đa 02 nguyện vọng)  1. Có chứng chỉ IELTS  TOEFL  SAT  ACT  Diềm thì Ngày cấp chứng chỉ Dơn vị cấp chứng chỉ  2. Có giải cấp Tĩnh hoặc TP trực thuộc TW  Môn đoạt giải  Nơi cấp  3. Đăng ký xét tuyển:  TTNV Mã ngành Tên ngành Mã tổ hợp Tên môn và điểm trung bình các môn theo tổ hợ	lớp 11				*****				
Thí sinh tốt nghiệp (Đánh dấu X): Trước năm 2020  Tốt nghiệp năm 2020  6. Đối tượng ưu tiên tuyển sinh (nếu có): 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07  7. Khu vực ưu tiên: KV1, KV2-NT, KV2, KV3  (Thí sinh khoanh tròn vào khu vực và đối tượng mình được ưu tiên, nếu không thuộc đối tượng ưu tiên nào thì để trố  8. Địa chỉ liên hệ:  9. Số điện thoại:  Email:  10. Hạnh kiểm: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (Học kỳ 1)  11. Kết quả điểm TBC học tập: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (Học kỳ 1)  8. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN (Chỉ đăng ký tối đa 02 nguyện vọng)  1. Có chứng chỉ IELTS  TOEFL  SAT  ACT  Diềm thi Ngày cấp chứng chỉ Don vị cấp chứng chỉ  2. Có giải cấp Tĩnh hoặc TP trực thuộc TW  Môn đoạt giải  Nơi cấp  3. Đăng ký xét tuyển:  TTNV Mã ngành Tên ngành Mã tổ hợp Tên môn và điểm trung bình các môn theo tổ hợ	lớp 12								
6. Đối tượng ưu tiên tuyển sinh (nếu có): 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07 7. Khu vực ưu tiên: KV1, KV2-NT, KV2, KV3  (Thí sinh khoanh tròn vào khu vực và đối tượng mình được ưu tiên, nếu không thuộc đối tượng ưu tiên nào thì để trố. 8. Địa chỉ liên hệ:  9. Số điện thoại:  10. Hạnh kiểm: Lớp 10  10. Lớp 11  11. Kết quả điểm TBC học tập: Lớp 10  11. Kết quả điểm TBC học tập: Lớp 10  12. Có chứng chỉ IELTS  13. TOEFL  14. SAT  15. ACT  16. Đốn Vị cấp chứng chỉ  16. Đốn Vị cấp chứng chỉ  17. Lớp 12 (Học kỳ 1)  18. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỀN (Chỉ đăng ký tối đa 02 nguyện vọng)  18. Có chứng chỉ IELTS  19. TOEFL  10. SAT  10. Học kỳ 1)  11. Kết quả điểm Thôn Ngày cấp chứng chỉ  10. Đốn Vị cấp chứng chỉ  10. Đốn Vị cấp chứng chỉ  10. Lớp 11  11. Kết quả điểm trung bình các môn theo tổ học trình môn Và điểm trung bình các môn theo tổ học trình môn  15. Đăng ký xét tuyển:	70.X						Mã tinh	Mã	trường
7. Khu vực ưu tiên: KV1, KV2-NT, KV2, KV3  (Thí sinh khoanh tròn vào khu vực và đối tượng mình được ưu tiên, nếu không thuộc đối tượng ưu tiên nào thì để trố  8. Địa chỉ liên hệ:  9. Số điện thoại:  10. Hạnh kiểm: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (Học kỳ 1)  11. Kết quả điểm TBC học tập: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 11  Lớp 12 (Học kỳ 1)  11. Kết quả điểm TBC học tập: Lớp 10  SAT  ACT  Điểm thi  Ngày cấp chứng chi  Dơn vị cấp chứng chi  2. Có giải cấp Tỉnh hoặc TP trực thuộc TW  Môn đoạt giải  Noi cấp  3. Đăng ký xét tuyển:  TTNV  Mã ngành  Tên ngành  Mã tổ hợp  Tên môn và điểm trung bình các môn theo tổ hợp  Tên môn  Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (Học kỳ 1)  11. Kết quả điểm trung bình các môn theo tổ họp  Tên môn  Lớp 10  Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (HKI	ıh tốt nghiệ	p (Đánh dấu X): Ti	rước năm 202	20 🔛	Tốt ngh	iệp nă	m 2020		
7. Khu vực ưu tiên: KV1, KV2-NT, KV2, KV3  (Thí sinh khoanh tròn vào khu vực và đối tượng mình được ưu tiên, nếu không thuộc đối tượng ưu tiên nào thì để trố  8. Địa chỉ liên hệ:  9. Số điện thoại:  10. Hạnh kiểm: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (Học kỳ 1)  11. Kết quả điểm TBC học tập: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 11  Lớp 12 (Học kỳ 1)  11. Kết quả điểm TBC học tập: Lớp 10  SAT  ACT  Điểm thi  Ngày cấp chứng chi  Dơn vị cấp chứng chỉ  2. Có giải cấp Tỉnh hoặc TP trực thuộc TW  Môn đoạt giải  Noi cấp  3. Đăng ký xét tuyển:  Thy Mã ngành  Tên ngành  Tên ngành  Mã tổ hợp  Tên môn và điểm trung bình các môn theo tổ hợp  Tên môn  Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (Học kỳ 1)  11. Kết quả điểm trung bình các môn theo tổ hợp  Tên môn  Lớp 10  Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (Hợc kỳ 1)	ng ưu tiên t	uyển sinh (nếu có)	:. 01, 02, 03,	04, 05, 06,	07				
10. Hạnh kiểm: Lớp 10 Lớp 11 Lớp 12 (Học kỳ 1)  11. Kết quả điểm TBC học tập: Lớp 10 Lớp 11 Lớp 12 (Học kỳ 1)  B. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN (Chi đăng ký tối đa 02 nguyện vọng)  1. Có chứng chỉ IELTS TOEFL SAT ACT  Diểm thi Ngày cấp chứng chỉ Đơn vị cấp chứng chỉ  2. Có giải cấp Tỉnh hoặc TP trực thuộc TW Môn đoạt giải  Loại giải Năm đoạt giải Noi cấp  3. Đăng ký xét tuyển:  TTNV Mã ngành Tên ngành Mã tổ hợp Tên môn và điểm trung bình các môn theo tổ hợp trung	liên hệ:					•••••			
10. Hạnh kiểm: Lớp 10 Lớp 11 Lớp 12 (Học kỳ 1)  11. Kết quả điểm TBC học tập: Lớp 10 Lớp 11 Lớp 12 (Học kỳ 1)  B. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN (Chỉ đăng ký tối đa 02 nguyện vọng)  1. Có chứng chỉ IELTS TOEFL SAT ACT  Diểm thi Ngày cấp chứng chỉ Đơn vị cấp chứng chỉ  2. Có giải cấp Tỉnh hoặc TP trực thuộc TW Môn đoạt giải  Loại giải Năm đoạt giải Nơi cấp  3. Đăng ký xét tuyển:  TTNV Mã ngành Tên ngành Mã tổ hợp Tên môn và điểm trung bình các môn theo tổ hợp Tên môn Lớp 10 Lớp 11 Lớp 12 (HKI	thoại:		Ema	il:					
11.Kết quả điểm TBC học tập: Lớp 10 Lớp 11 Lớp 12 (Học kỳ 1)  B. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỀN (Chỉ đăng ký tối đa 02 nguyện vọng)  1. Có chứng chỉ IELTS TOEFL SAT ACT  Điểm thi Ngày cấp chứng chỉ Đơn vị cấp chứng chỉ  2. Có giải cấp Tỉnh hoặc TP trực thuộc TW Môn đoạt giải  Loại giải Năm đoạt giải Nơi cấp  3. Đăng ký xét tuyển:  TTNV Mã ngành Tên ngành Mã tổ hợp Tên môn và điểm trung bình các môn theo tổ họ									
B. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỀN (Chỉ đăng ký tối đa 02 nguyện vọng)  1. Có chứng chỉ IELTS TOEFL SAT ACT  Điểm thi Ngày cấp chứng chỉ Đơn vị cấp chứng chỉ  2. Có giải cấp Tỉnh hoặc TP trực thuộc TW Môn đoạt giải  Loại giải Năm đoạt giải Nơi cấp  3. Đăng ký xét tuyển:  TTNV Mã ngành Tên ngành Mã tổ hợp Tên môn và điểm trung bình các môn theo tổ hợp Tên môn Lớp 10 Lớp 11 Lớp 12 (HK1	ả điểm TB	C học tập: Lớp 1	0	1190			2 (Hoc k	<b>ù</b> 1)	
1. Có chứng chỉ IELTS TOEFL SAT ACT  Điểm thi Ngày cấp chứng chỉ Đơn vị cấp chứng chỉ  2. Có giải cấp Tỉnh hoặc TP trực thuộc TW Môn đoạt giải  Loại giải Năm đoạt giải Nơi cấp  3. Đăng ký xét tuyển:  TTNV Mã ngành Tên ngành Mã tổ hợp Tên môn và điểm trung bình các môn theo tổ họ						_		<i>J</i> – <i>J</i> _	
Điểm thi       Ngày cấp chứng chỉ       Đơn vị cấp chứng chỉ         2. Có giải cấp Tỉnh hoặc TP trực thuộc TW       Môn đoạt giải         Loại giải       Năm đoạt giải       Nơi cấp         3. Đăng ký xét tuyển:       Tên môn và điểm trung bình các môn theo tổ họ         Trên môn       Lớp 10       Lớp 11       Lớp 12 (HK1					_		5)		
2. Có giải cấp Tỉnh hoặc TP trực thuộc TW  Loại giải  Năm đoạt giải  Noi cấp  3. Đăng ký xét tuyển:  TTNV Mã ngành Tên ngành Mã tổ hợp Tên môn và điểm trung bình các môn theo tổ họ  Tên môn Lớp 10 Lớp 11 Lớp 12 (HK1	HO CHI IE.								
Loại giải Năm đoạt giải Nơi cấp  3. Đăng ký xét tuyển:  TTNV Mã ngành Tên ngành Mã tổ hợp Tên môn và điểm trung bình các môn theo tổ họ  Tên môn Lớp 10 Lớp 11 Lớp 12 (HK1	-					1 7			
3. Đăng ký xét tuyển:  TTNV Mã ngành Tên ngành Mã tổ hợp Tên môn và điểm trung bình các môn theo tổ hợp  Tên môn Lớp 10 Lớp 11 Lớp 12 (HK1	ni	Ngày cấp chứng	chi	 Đơn vị	cấp chú				
TTNVMã ngànhTên ngànhMã tổ hợpTên môn và điểm trung bình các môn theo tổ họTên mônLớp 10Lớp 11Lớp 12 (HK1	ni cấp Tỉnh l	Ngày cấp chứng noặc TP trực thuộ	chie TW		cấp chú ải				
Tên môn         Lớp 10         Lớp 11         Lớp 12 (HK1	ni <b>cấp Tỉnh l</b> ii	Ngày cấp chứng noặc TP trực thuộ Năm đoạt	chie TW		cấp chú ải				
16.1	ni cấp Tỉnh l i ý xét tuyển	Ngày cấp chứng noặc TP trực thuộ Năm đoạt	chi		cấp chú ải p				
	ni cấp Tỉnh l i ý xét tuyển	Ngày cấp chứng noặc TP trực thuộ Năm đoạt	chi	Môn đoạt gi Môn cấ  Tên môn v	cấp chú ải p	ung bì	nh các m	ôn theo	tổ họ
01   Môn 1:	ni cấp Tỉnh l i ý xét tuyển	Ngày cấp chứng noặc TP trực thuộ Năm đoạt	chi	Môn đoạt gi Môn đoạt gi Nơi cấ  Tên môn vi  Tên môn	cấp chú ải p	ung bì	nh các m	ôn theo	tổ họ
Môn 2:    Môn 3:	ni cấp Tỉnh l i ý xét tuyển	Ngày cấp chứng noặc TP trực thuộ Năm đoạt	chi	Môn đoạt gi Môn đoạt gi Nơi cấ  Tên môn vi Tên môn Môn 1:	cấp chú ải	ung bì	nh các m	ôn theo	tổ họ
Điểm th  2. Có giải  Loại giả  3. Đăng kị  TTNV M		1. Họ v háng và 2 s y và tháng sin h (tinh hoặc r MND/căn o THPT (ghi tên lớp 10 lớp 12 lớp 12 nh tốt nghiệ ng ưu tiên t rc ưu tiên: h khoanh tròn liên hệ: thoại: kiểm: Lớp å điểm TB G TIN ĐĂ	A. THÔNG TIN THÍ SIN  1. Họ và tên của thí sinh  háng và 2 số cuối của năm si y và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi s h (tinh hoặc thành phố)  MND/căn cước CD (Ghi như h THPT (ghi tên trường và nơi trường đóng lớp 10  lớp 11  lớp 12  ch tốt nghiệp (Đánh dấu X): Tr ng ưu tiên tuyển sinh (nếu cố) rc ưu tiên: KV1, KV2-NT, KV h khoanh tròn vào khu vực và đối tư liên hệ:  thoại:  kiểm: Lớp 10  Lố G TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUY  G TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUY	A. THÔNG TIN THÍ SINH  1. Họ và tên của thí sinh (Viết đúng như háng và 2 số cuối của năm sinh y và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu) h (tinh hoặc thành phố)  MND/căn cước CD (Ghi như hồ sơ đăng ký dự THPT (ghi tên trường và nơi trường đóng: huyện (quận), tr lớp 10  lớp 11  lớp 12  ch tốt nghiệp (Đánh dấu X): Trước năm 20; ng ưu tiên tuyển sinh (nếu có): 01, 02, 03, rc ưu tiên: KV1, KV2-NT, KV2, KV3 h khoanh tròn vào khu vực và đối tượng mình được liên hệ:  thoại:  Ema kiểm: Lớp 10  Lớp 11  đ điểm TBC học tập: Lớp 10  G TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỀN (Chỉ đă	A. THÔNG TIN THÍ SINH  1. Họ và tên của thí sinh (Viết đúng như trong giấy kha  háng và 2 số cuối của năm sinh  y và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)  h (tinh hoặc thành phố)  MND/căn cước CD (Ghi như hồ sơ đăng ký dự thi)  THPT (ghi tên trường và nơi trường đóng: huyện (quận), tinh (thành phố) và  lớp 10  lớp 11  lớp 12  ch tốt nghiệp (Đánh dấu X): Trước năm 2020  mg ư tiên tuyển sinh (nếu có): 01, 02, 03, 04, 05, 06,  re ư tiên: KV1, KV2-NT, KV2, KV3  h khoanh tròn vào khu vực và đối tượng mình được ưu tiên, nếu kh  liên hệ:  thoại:  Email:  kiểm: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 11  G TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN (Chỉ đăng ký tối đa	A. THÔNG TIN THÍ SINH  1. Họ và tên của thí sinh (Viết đúng như trong giấy khai sinh bằn làng và 2 số cuối của năm sinh ly và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)  MND/căn cước CD (Ghi như hồ sơ đăng ký dự thi)  THPT (ghi tên trường và nơi trường đóng: huyện (quận), tinh (thành phố) và ghi mã tinh lớp 10  Iớp 11  Iớp 12  Ich tốt nghiệp (Đánh dấu X): Trước năm 2020  Tốt ngh ng ưu tiên tuyển sinh (nếu có): 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07  Ice ưu tiên: KV1, KV2-NT, KV2, KV3  In khoanh tròn vào khu vực và đối tượng mình được ưu tiên, nếu không thuộc liên hệ:  thoại:  Email:  kiểm: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 11  Lớp 12 (Học kả điểm TBC học tập: Lớp 10  C TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN (Chỉ đăng ký tối đa 02 nguy.)	A. THÔNG TIN THÍ SINH  1. Họ và tên của thí sinh (Viết đúng như trong giấy khai sinh bằng chữ in Giới (Nháng và 2 số cuối của năm sinh y và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)  MND/căn cước CD (Ghi như hồ sơ đăng ký dự thì)  THPT (ghi tên trường và nơi trường đóng: huyện (quận), tinh (thành phố) và ghi mã tinh, mã trưở lớp 10  Iớp 11  Iớp 12  Th tốt nghiệp (Đánh dấu X): Trước năm 2020  Tốt nghiệp nă ng ưu tiên tuyển sinh (nếu có): 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07  Từ ư tiên: KV1, KV2-NT, KV2, KV3  In khoanh tròn vào khu vực và đối tượng mình được ưu tiên, nếu không thuộc đối tượ liên hệ:  thoại:  Email:  kiểm: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 11	A. THÔNG TIN THÍ SINH  1. Họ và tên của thí sinh (Viết đúng như trong giấy khai sinh bằng chữ in hoa có do Giới (Nữ ghi 1, Nơ háng và 2 số cuối của năm sinh y và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)  MND/căn cước CD (Ghi như hồ sơ đăng ký dự thì)  THPT (ghi tên trưởng và nơi trưởng đóng: huyện (quân), tinh (thành phố) và ghi mã tinh, mã trưởng):  Idop 10  Idop 12  Mã tinh th tốt nghiệp (Đánh dấu X): Trước năm 2020  Ing ưu tiên tuyển sinh (nếu có): 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07  Từ cư tiên: KV1, KV2-NT, KV2, KV3  In khoanh tròn vào khu vực và đối tượng mình được ưu tiên, nếu không thuộc đối tượng ưu tiên hệ:  Thoại:  Email:  kiểm: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (Học kỳ 1)   ả điểm TBC học tập: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (Học k  G TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỀN (Chi đăng ký tối đa 02 nguyện vọng)	A. THÔNG TIN THÍ SINH  1. Họ và tên của thí sinh (Viết đúng như trong giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)  Giới (Nữ ghi I, Nam ghi 0  háng và 2 số cuối của năm sinh  y và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ở đầu)  MND/căn cước CD (Ghi như hồ sơ đăng ký dự thì)  THPT (ghi tên trường và nơi trường đóng: huyện (quận), tinh (thành phố) và ghi mã tinh, mã trường):  Iớp 10  Iớp 11  Iớp 12  Tốt nghiệp (Đánh dấu X): Trước năm 2020  Tốt nghiệp năm 2020  Ing ưu tiên tuyển sinh (nếu có): 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07  Từ ư tiên: KV1, KV2-NT, KV2, KV3  h khoanh tròn vào khu vực và đối tượng mình được ưu tiên, nếu không thuộc đối tượng ưu tiên nào thì liên hệ:  thoại:  Email:  kiểm: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (Học kỳ 1)  3 điểm TBC học tập: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12 (Học kỳ 1)

Tên môn

Họ tên, chữ ký của cán bộ nhận hồ sơ

Ngày ...... tháng ...... năm 2020 Họ tên, chữ ký thí sinh

Lớp 11

Lớp 12 (HK1)

Lớp 10